

Số: **299**BC-BCT

Hà Nội, ngày **20** tháng **11** năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Kính gửi: Chính phủ

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Luật SDNL TKHQ - Luật số 50/2010/QH12) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010.

Luật khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta coi SDNL TKHQ là chính sách được ưu tiên hàng đầu, giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế gắn với an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Sau gần 14 năm thi hành Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã để lại dấu ấn tích cực đối với toàn xã hội trong lĩnh vực sử dụng năng lượng nói chung và tiết kiệm năng lượng nói riêng. Việc ban hành Luật là kịp thời và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chính sách phát triển năng lượng của nước ta trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Luật SDNL TKHQ gồm có 12 Chương, 48 Điều, quy định các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế, xã hội và quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Thực hiện chi tiết hoá Luật SDNL TKHQ, một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã được xây dựng và ban hành, tạo thành khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ, đảm bảo cho tính thực thi các hoạt động trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Để tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sau 14 năm triển khai Luật này trong bối cảnh mới, thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Chính trị và Đề án 292-ĐA/ĐĐQH15 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Đảng đoàn Quốc hội về Định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, ngày 16 tháng 12 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 2114/QĐ-TTg,

trong đó giao Bộ Công Thương thực hiện nghiên cứu, rà soát Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để báo cáo UBND Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh giai đoạn 2023 -2024.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức nghiên cứu, tổ chức hội thảo tham vấn các cơ quan liên quan như: Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND một số tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương để tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, qua đó định hướng cho các nội dung đề xuất sửa đổi Luật nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Qua các thông tin, số liệu, đánh giá, nhận định từ các Bộ ngành, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Tiết kiệm năng lượng, các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng tại các tỉnh, thành trên toàn quốc... báo cáo kết quả của các cuộc họp, hội nghị tổng kết cũng như thực tiễn hoạt động của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực SDNL TKHQ, Bộ Công Thương đã xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật SDNL TKHQ, như sau:

PHẦN THỨ I

NHỮNG KẾT QUẢ TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ (Luật SDNL TKHQ)

1. Việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Để triển khai Luật này, một hệ thống các văn bản pháp luật liên quan bao gồm các Nghị định, Thông tư, Quyết định, tiêu chuẩn, quy chuẩn... được ban hành, cụ thể:

- 02 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết biện pháp thi hành và chế tài xử phạt.

- 02 Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát hiệu suất năng lượng cho các trang thiết bị tiêu thụ năng lượng.

- 16 thông tư quy định suất mức tiêu hao năng lượng và các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, nông nghiệp, và các văn bản hướng dẫn tác nghiệp cho việc thực thi các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được ban hành.

- Hơn 50 bộ Tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu áp dụng cho các nhóm thiết bị mục tiêu, kèm theo phương pháp thử nghiệm,

Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 12 Quyết định về việc chỉ định 12 cơ sở thử nghiệm hiệu suất năng lượng và 16 văn bản hướng dẫn tác nghiệp đã được ban hành.

Trong đó, một số văn bản đáng chú ý như:

- Quyết định số 68/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm đối với cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước

- Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 18/5/2018 về Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới.

Theo đó, từ ngày 10/7/2018, không cho phép nhập khẩu và sản xuất, kinh doanh các thiết bị có mức hiệu suất năng lượng không đáp ứng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu trong tiêu chuẩn quốc gia (TCVN); không cho phép nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh sau 2 năm kể từ ngày 10/7/2018 đối với các thiết bị có mức hiệu suất năng lượng không đáp ứng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu trong TCVN.

Cũng từ ngày 10/7/2018, không cho phép xây dựng mới tổ máy phát điện bằng than, khí công nghệ lạc hậu, có hiệu suất tại thời điểm bắt đầu đưa vào vận hành thương mại thấp hơn hiệu suất quy định tương ứng với từng dải công suất của tổ máy theo quy định; không cho phép nhập khẩu thiết bị cũ, lạc hậu đối với các tổ máy phát điện có công suất nằm ngoài các dải công suất quy định; không phê duyệt chủ trương đầu tư các nhà máy nhiệt điện phát điện bằng than, khí đốt có hiệu suất năng lượng thấp hơn hiệu suất quy định tương ứng với dải công suất của tổ máy phát điện theo quy định.

(Quyết định 24/2018/QĐ-TTg được thay thế bởi Quyết định số 14/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới.)

- Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/03/2019 về Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 -2030.

- Ngày 15/05/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện 8). Tại Quy hoạch này đã khẳng định giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả là một trong các giải pháp, nguồn lực để thực hiện thành công Quy hoạch này.

- Ngày 26/07/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định nhấn mạnh vai trò của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, với mục tiêu tiết kiệm năng lượng đạt khoảng 8-10% vào năm 2030 và khoảng 15-20% vào năm 2050 so với kịch bản thông thường.

- Các bộ, ngành đã phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương xây dựng và trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó, tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 7% vào năm 2030 và khoảng 14% vào năm 2045.

- Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó, mục tiêu tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng đến năm 2030 đạt mức 105 - 115 triệu TOE, năm 2045 đạt mức 160 - 190 triệu TOE, và cường độ năng lượng sơ cấp năm 2030 đạt từ 420 - 460 kgOE/1.000 USD GDP, năm 2045 từ 375 - 410 kgOE/1.000 USD GDP.

- Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm, gần đây nhất là Quyết định số 1480/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 về danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2021.

- Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2020 quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng.

- Bộ Công Thương đã tổ chức nghiên cứu, rà soát và đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Bộ Công Thương đã xây dựng và đang trình Ban Chỉ đạo Chương trình dự thảo Khung kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn đến năm 2025; Quy chế quản lý nhiệm vụ thuộc Chương trình...

Hiệu quả của việc hình thành hệ thống văn bản pháp lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả một cách đồng bộ, thống nhất đã thúc đẩy sự vào cuộc của hệ thống chính trị trên phạm vi toàn quốc đã làm thay đổi nhận thức và hành vi của toàn xã hội. Các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức chính trị xã hội nhiệt tình ủng hộ và hăng hái vào cuộc tham gia các hoạt động hiệu quả năng lượng. Các hoạt động của các có tính lan tỏa rộng rãi như “Cuộc thi hộ gia đình tiết kiệm điện” do Hội phụ nữ các cấp tiến hành hoặc Chương trình “Giờ trái đất” được đông đảo hội thanh niên, sinh viên các trường đại học tham gia hưởng ứng...

Tác động của Luật đã được thể hiện rõ thông qua sự vào cuộc của các Bộ, ngành và địa phương. Kết quả tiết kiệm năng lượng đạt được ở giai đoạn 2011-2015 là rất lớn, tăng gần gấp đôi của giai đoạn trước (2006-2010) và góp phần tiết kiệm năng lượng cho cả 2 giai đoạn. Theo báo cáo của Viện Năng lượng (2016) giai đoạn 2011-2015 mức tiết kiệm thực tế đạt được là 5,65%, tương đương với 11.2 KTOE.

Nhìn chung, hệ thống các văn bản pháp luật về SDNL TKHQ của nước ta hiện nay đã tương đối đầy đủ và đồng bộ, tạo nên khung pháp lý cần thiết cho việc triển khai hoạt động, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về SDNL TKHQ, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về SDNL TKHQ, giúp cải thiện hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời giúp bảo tồn nguồn năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính, đóng góp cho công cuộc giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, tiết kiệm các nguồn lực đầu tư, từng bước thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu...

Luật đã tạo dựng hành lang pháp lý, tháo gỡ rào cản, cụ thể hóa các quy định về biện pháp quản lý, kỹ thuật và chính sách thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong toàn bộ hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, chiếu sáng và sinh hoạt của cộng đồng, tạo điều kiện triển khai đồng bộ hoạt động sử dụng năng lượng TKHQ bền vững của đất nước.

2. Công tác triển khai, tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Việc tổ chức hoạt động tuyên truyền thường xuyên, liên tục, lâu dài về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền thanh, truyền hình. Các nội dung tuyên truyền đều chủ đích nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng hiệu quả kinh tế, kinh nghiệm tốt, gương điển hình về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho từng nhóm đối tượng người dân, hướng tới tạo chuyển biến trong nhận thức, tiến tới thay đổi hành vi sử dụng năng lượng theo hướng có trách nhiệm, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đến nay, kết quả triển khai thực hiện trên các tỉnh, thành phố toàn quốc:

+ Hơn 300 lớp tập huấn, hội thảo hướng dẫn về tiết kiệm điện cho doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân đã được triển khai.

+ In và phát được 280.000 tờ rơi và 75.000 cẩm nang về tiết kiệm điện, các giải pháp tiết kiệm điện.

+ Tổ chức cuộc vận động hộ gia đình tiết kiệm điện đã trực tiếp thu hút được 120.000 hộ dân tham gia cuộc vận động.

+ 4.500 tin, bài đã được tuyên truyền thông qua trên hệ thống báo điện tử, đài truyền thanh của các tỉnh, thành phố.

+ Hơn 80 phóng sự chuyên sâu về các giải pháp tiết kiệm điện đã được xây dựng và phát trên hệ đài truyền hình các tỉnh, thành phố với tần suất phát nhiều lần nhằm nâng cao ý thức của doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

+ Hỗ trợ 1.200 doanh nghiệp thực hiện kiểm toán năng lượng, xây dựng mô hình quản lý năng lượng và thực hiện các giải pháp về tiết kiệm điện.

+ Vận động hơn 9.500 hộ dân lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời nôi mái thông qua chương trình tiết kiệm điện.

+ Tổ chức Chuỗi hoạt động của sự kiện Giờ trái đất: Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã phối hợp cùng các cơ quan truyền thông vận động và nhận được sự hưởng ứng của hàng triệu người dân, đặc biệt là sự hưởng ứng đồng đảo của sinh viên, học sinh và những người trẻ khác vào chuỗi các hoạt động của sự kiện Giờ trái đất.

+ Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: đào tạo Kiểm toán viên năng lượng; Người quản lý năng lượng.

+ Xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp dịch vụ tiết kiệm năng lượng (ESCO) nhằm hướng tới phát triển thị trường dịch vụ tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam.

3. Kết quả cụ thể

3.1. Về tiết kiệm năng lượng

3.1.1 Kết quả tiết kiệm năng lượng trong giai đoạn 2011 – 2015 (*trích nguồn từ Chương trình VNEEP*)

Giai đoạn từ 2011 - 2015 được tính bằng hiệu số giữa năng lượng tiêu thụ giả thiết (BAU) và năng lượng tiêu thụ thực tế.

Hạng mục	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2011-2015	2012-2015
Cường độ năng lượng giả thiết (BAU)	kgOE/ 1000 USD	428.8	428.8	428.8	428.8	428.8	428.8	428.8	428,8
Tiêu thụ năng lượng giả thiết (BAU)	KTOE	33,570	35,662	37,533	39,568	41,934	44,534	199,233	163.570
Tiêu thụ năng lượng thực tế	KTOE	33,570	34,502	35,216	36,987	39,552	41,715	187,971	153.469
Lượng năng lượng tiết kiệm	KTOE	-	1,160	2,317	2,582	2,382	2,820	11,261	10.101
Tỷ lệ tiết kiệm		0.0%	3.3%	6.2%	6.5%	5.7%	6.3%	5.65%	6,18%

Kết quả tính toán thu được từ giả thiết trên cho thấy, tỷ lệ tiết kiệm năng lượng cộng dồn cho giai đoạn 2011 - 2015 sẽ là 5,65%, giai đoạn 2012 - 2015 sẽ là 6,18%.

Biểu số liệu dưới đây là số liệu đầu vào được sử dụng cho phương pháp chia tách nhằm tính toán ảnh hưởng của thay đổi cơ cấu kinh tế và tác động thực sự của việc hành vi thực hiện tiết kiệm năng lượng ở các ngành (thông qua thay

đổi cường độ của các ngành kinh tế). Lưu ý rằng, tiêu thụ năng lượng của ngành Dịch vụ đã bao gồm Giao thông vận tải và khu vực Dân dụng.

Hạng mục	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng GDP	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	115,932	123,166	129,629	136,658	144,835	154,509
Nông nghiệp	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	21,901	24,731	25,498	25,117	24,266	24,850.27
Công nghiệp	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	44,319	46,679	50,070	52,349	48,141	52,781.14
Dịch vụ	<i>Triệu USD, Giá 2010</i>	49,712	51,756	54,061	59,192	72,428	76,877.20
Tổng tiêu thụ NL	<i>KTOE</i>	33,570	34,502	35,048	36,978	39,552	41,715
Nông nghiệp	<i>KTOE</i>	580	624	617	604	615	636
Công nghiệp	<i>KTOE</i>	14,516	15,584	16,105	17,151	18,992	19,718
Dịch vụ	<i>KTOE</i>	18,474	18,294	18,326	19,223	19,945	21,361

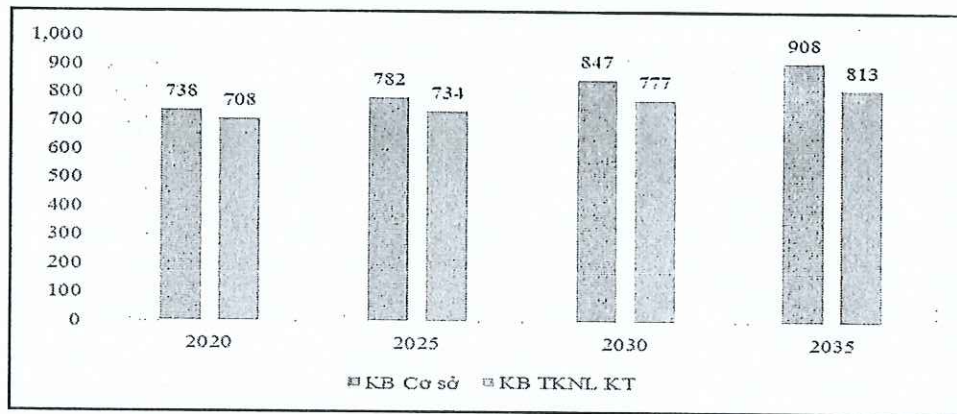
3.1.2 Kết quả tiết kiệm điện/năng lượng đến năm 2020 và dự báo cho các giai đoạn tiếp theo

a) Đối với khu vực nông nghiệp

Về cơ bản, nền nông nghiệp Việt Nam có tỷ lệ cơ giới hóa thấp, chăn nuôi quy mô lớn chưa được nhân rộng và đánh bắt gần bờ vẫn còn phổ biến nên tiêu thụ năng lượng của ngành vẫn ở mức rất thấp. Theo thống kê, ngành nông nghiệp Việt Nam đóng góp 16,1% vào tổng GDP năm 2015 nhưng chỉ tiêu thụ 1,2% tổng tiêu thụ năng lượng, tương đương với 636 KTOE. Chỉ hai phân ngành chính: Đánh bắt thủy hải sản và tưới tiêu, nông nghiệp khác được sử dụng để tính toán tiềm năng tiết kiệm năng lượng cho khu vực nông nghiệp. Kết quả so với Kịch bản cơ sở, tỷ lệ năng lượng tiết kiệm sẽ là 4,2% 6,2%, 8,2% và 10,4% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Nông nghiệp

(đơn vị: KTOE)

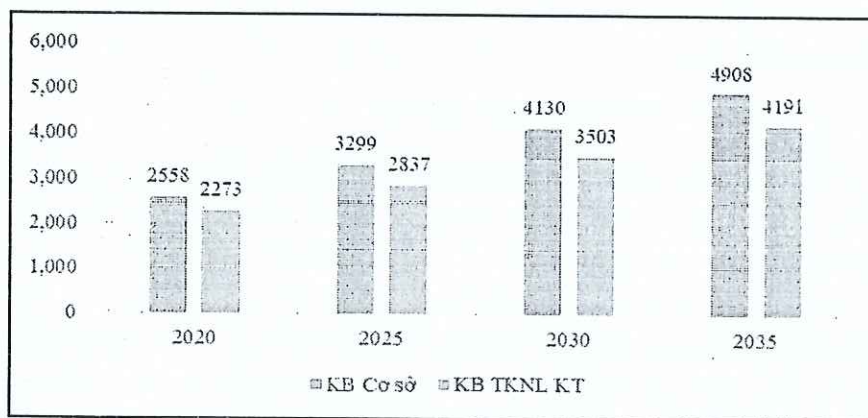


b) Khu vực Dịch vụ

Ngành dịch vụ có mức đóng góp vào tổng GDP cao nhưng có tỷ trọng trong tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng thấp, chỉ với 3,4% trong tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng năm 2015. Tuy nhiên, theo dự báo, đây sẽ là ngành có tốc độ tăng trưởng tiêu thụ năng lượng cao trong giai đoạn tới. Kịch bản tiết kiệm năng lượng giả thiết rằng cường độ năng lượng của ngành này giảm dần, tới 15% vào năm 2035, đồng thời tỷ lệ chuyển hóa nhiên liệu cao, dầu DO gần như biến mất vào năm 2035.

Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Dịch vụ

(đơn vị: KTOE)



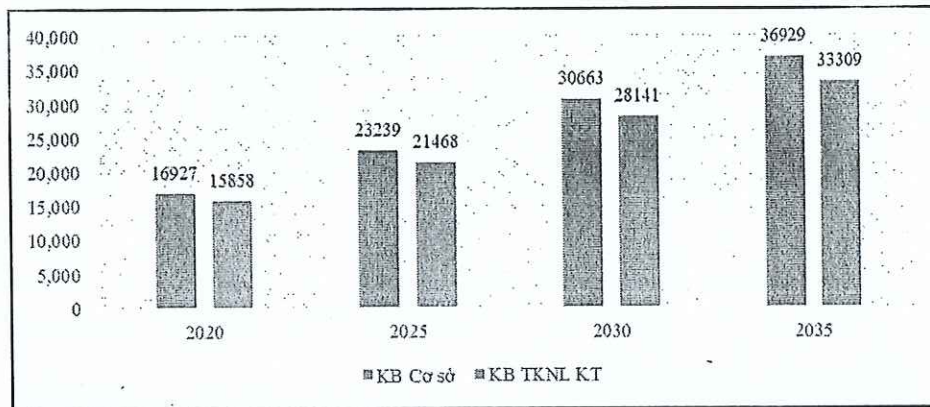
Kết quả tính toán cho thấy, tỷ lệ năng lượng tiết giảm so với năng lượng tiêu thụ ở Kịch bản cơ sở sẽ là 11,1%, 14,0%, 14,6% và 15,0% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

c) Khu vực Giao thông vận tải

Giao thông vận tải là một ngành phức tạp, có nhiều hình thức vận tải và công nghệ khác nhau. Với giả thiết là tiêu thụ nhiên liệu đường hàng không được giữ nguyên, kết quả tính toán cho thấy, tỷ lệ năng lượng tiết giảm so với năng lượng tiêu thụ ở Kịch bản cơ sở sẽ là 6,3%, 7,6%, 8,2% và 9,8% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Giao thông vận tải

(đơn vị:KTOE)

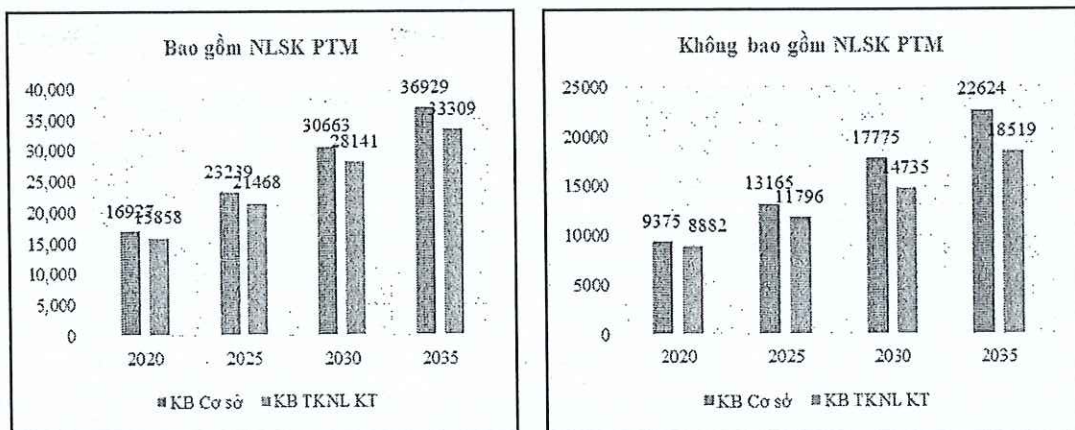


d) Khu vực Hộ gia đình

Mỗi hộ gia đình có 04 nhu cầu chính cần tiêu thụ năng lượng/nhiên liệu được thể hiện dưới đây, kèm theo các loại công nghệ và thiết bị được sử dụng tương ứng.

Dự báo nhu cầu Sử dụng - Tiết kiệm năng lượng khu vực Hộ gia đình

(đơn vị: KTOE)

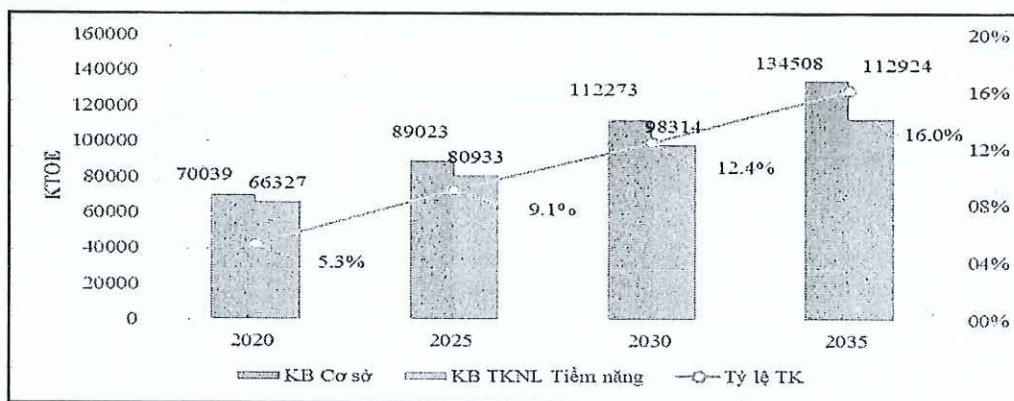


Kết quả tính toán cho thấy, tỷ lệ năng lượng tiết giảm so với năng lượng tiêu thụ ở Kịch bản cơ sở, đã bao gồm năng lượng sinh khối phi thương mại sẽ là 4,0%, 7,2%, 12,9% và 14,3% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030, 2035. Nếu như chỉ tính đến các dạng năng lượng thương mại, tỷ lệ năng lượng tiết giảm còn cao hơn đạt 5,3%, 10,4%, 17,1% và 18,1% tương ứng ở các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

đ) Khu vực Công nghiệp

Kết quả đánh giá cho thấy tiềm năng tiết kiệm năng lượng tương đối cao với tỷ lệ tiết kiệm năng lượng 5,3%; 9,1%; 12,4% và 16,0% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng theo Kịch bản cơ sở vào các năm 2020, 2025, 2030 và 2035.

Tổng hợp kết quả dự báo mức tiết kiệm năng lượng (đơn vị KTOE)



e) Khu vực Xây dựng

Về xây dựng các mô hình công trình hiệu quả năng lượng, phát triển công trình xanh:

- Tính đến cuối Quý II năm 2024, cả nước hiện có khoảng 476 công trình xanh với tổng diện tích sàn khoảng 11.489.000 m².

- Về công trình hiệu quả năng lượng, đã thử nghiệm cấp chứng nhận hiệu quả năng lượng cho 30 công trình.

Về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng:

- Bộ Xây dựng đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình phát triển vật liệu xây không nung với mục tiêu Chương trình là: “Phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ: 20-25% vào năm 2015, 30%- 40% vào năm 2020”. Sau 10 năm thực hiện chương trình từ năm 2010 đến năm 2020, số doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây không nung đã lên tới 1600 doanh nghiệp, tổng công suất thiết kế của 03 loại sản phẩm chính (gạch xi măng- cốt liệu, gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt và tấm tường bê tông rỗng đùn ép) năm 2020 đạt khoảng 10,2 tỷ viên QTC/năm, sản lượng sản xuất đạt khoảng 5 tỷ viên QTC, chiếm trên 25% so với tổng sản lượng vật liệu xây, với sản lượng trên thì hàng năm đã tiết kiệm được khoảng 7,5 triệu m³ đất sét - tương đương 375 ha đất khai thác ở độ sâu 2m, giảm tiêu thụ khoảng 750.000 tấn than và giảm thải ra môi trường khoảng 2,85 triệu tấn CO₂. Đây là kết quả khá tích cực, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng và giảm quá trình suy giảm diện tích đất nông nghiệp ở nước ta. Sau khi kết thúc Chương trình giai đoạn 2010-2020, Bộ Xây dựng đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung tại Việt nam đến năm 2030. Tính đến cuối năm 2023, sản lượng sản xuất và vật liệu xây không nung năm 2023 khoảng 4,9 tỷ viên quy tiêu chuẩn, sản lượng tiêu thụ khoảng 4,8 tỷ viên quy tiêu chuẩn, các sản phẩm vật liệu xây không nung chiếm khoảng 30% so với tổng sản lượng vật liệu xây.

- Trong lĩnh vực sản xuất xi măng, Bộ cũng đã chỉ đạo và yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất xi măng đầu tư các thiết bị tận dụng nhiệt thừa để phát điện nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Các nhà máy đầu tư xây dựng từ năm 2015 đến nay đều đầu tư đồng bộ hệ thống sử dụng nhiệt khí thải lò nung để phát điện, đã tự túc được 20-30% sản lượng điện, đồng thời có tác động giảm đáng kể lượng bụi phát thải ra môi trường. Tính đến ngày 30/11/2023, cả nước có 8 tỉnh với 27 dây chuyền lắp đặt hệ thống sử dụng nhiệt thừa khí thải để phát điện với tổng công suất 186,37 MW.

3.2. Về áp dụng dán nhãn năng lượng đối với máy móc, thiết bị, phương tiện

- Việc thúc đẩy hoạt động dán nhãn năng lượng tiếp tục được đẩy mạnh, duy trì. Từ ngày 01 tháng 1 năm 2020, Thông tư 59/2018/TT-BGTVT hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu có hiệu lực tiếp tục mở rộng diện sản phẩm, thiết bị đưa vào dán nhãn năng lượng. Trước đó, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư liên tịch số 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24/9/2014 quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống và Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư số 40/2017/TT-BGTVT ngày 09/11/2017 hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại trên 07 chỗ đến 09 chỗ.

- Tới nay Bộ Công Thương đã triển khai dán nhãn năng lượng cho 19 chủng loại sản phẩm theo Danh mục quy định tại Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg thuộc nhóm thiết bị gia dụng, thiết bị văn phòng, thiết bị công nghiệp (thay thế Quyết định 51/2011/QĐ-TTg)

- Trên 20.000 sản phẩm đã được dán nhãn năng lượng trên thị trường

- Triển khai dán nhãn năng lượng bắt buộc từ năm 2013, Chương trình đã tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ về hiệu suất năng lượng trên thị trường. Theo thống kê của Bộ Công Thương, sau gần 07 năm thực hiện Chương trình dán nhãn, gần 95% sản phẩm, phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng trong nhóm ngành hàng gia dụng, thương mại, công nghiệp đã được dán nhãn.

- Chương trình giúp loại bỏ khoảng 45 triệu bóng đèn sợi đốt ra khỏi thị trường, nâng hiệu suất 06 loại sản phẩm tiêu thụ điện phổ biến gồm: máy biến áp, điều hòa không khí, nồi cơm điện, quạt, đèn huỳnh quang ống, đèn huỳnh quang compact (CFL); trong đó hiệu quả sử dụng điều hòa không khí tăng 13% hàng năm, tiết kiệm khoảng 100 triệu kWh/năm.

- Chương trình “quảng bá thay thế bình đun nước nóng điện bằng bình đun nước nóng NLMT”

Thực hiện Chương trình phát động của Bộ Công Thương từ năm 2008, EVN đã chỉ đạo các TCTĐL/CTĐL phối hợp với các nhà sản xuất trong nước tuyên truyền, quảng bá và hỗ trợ người dân sử dụng bình đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời trên phạm vi toàn quốc (mức hỗ trợ 1 triệu đồng/bình). EVN đã thực hiện thành công chương trình của Bộ Công Thương và của EVN, với tổng số bình thực hiện là: 110.000 bình (trong đó có 96.000 bình NN NLMT thực hiện

theo chương trình của EVN và số còn lại 14.000 bình thực hiện theo chương trình của Bộ Công Thương).

Chương trình đã có tác dụng kích cầu thị trường rất lớn, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của thị trường bình NN NLMT là 30 - 40% (giai đoạn 2013 - 2015). Tới năm 2015 thị trường đã tiêu thụ hơn 700.000 bình nước nóng NLMT, tiết kiệm hơn 1 tỷ kWh/năm (tương đương với tiền điện tiết kiệm 1.600 tỷ đồng/năm).

- Theo báo cáo của tổ chức CLASP Mỹ, tới năm 2017 gần như toàn bộ 100% các sản phẩm điều hòa tại Việt Nam đã được dán nhãn năng lượng trên thị trường; Số mẫu đạt 4 sao và 5 sao chiếm 62.8%.

- Cũng theo nghiên cứu việc Nâng hiệu suất máy điều hòa CSPF từ 3,8 lên 4,2 tại tiêu chuẩn TCVN 7830:2012 lên TCVN 7830:2015 cùng với sự phát triển của Máy điều hòa biến tần tích lũy từ 2016-2021, với giả thiết là máy lắp cho căn hộ có hệ số làm việc đồng thời 0.35 thì công suất tiết kiệm được là 270MW cho năm 2021, công suất này xấp xỉ 1 nhà máy nhiệt điện 300MW.

Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các Bộ Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Xây dựng xây dựng một hệ thống gồm 50 TCVN thử nghiệm và đánh giá hiệu suất năng lượng cho phương tiện thiết bị, các tiêu chuẩn được rà soát đánh giá cập nhật thường xuyên để phù hợp với tình hình kinh tế kỹ thuật trong từng thời kỳ, đặc biệt là:

- Các sản phẩm tiêu thụ nhiều năng lượng như điều hòa không khí, tủ lạnh: Tiêu chuẩn cho Điều hòa không khí được rà soát cập nhật 4 lần TCVN 7830 các phiên bản năm 2007, 2012, 2015 và 2021.

- Tiêu chuẩn Tủ lạnh cập nhật 3 lần TCVN 7826 phiên bản năm 2007 2013 và 2016

- Các sản phẩm đã được cập nhật 2 lần như Đèn huỳnh quang compact, Đèn huỳnh quang ống thẳng, Chấn lưu, Máy giặt, Quạt điện, Nồi cơm điện, bình đun nước nóng có dự trữ, Động cơ, Nồi hơi, máy tính xách tay, Máy thu hình.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang phối hợp với Bộ KH&CN tiếp tục nghiên cứu xây dựng TCVN về hiệu suất năng lượng cho các sản phẩm mới dự kiến đưa vào Lộ trình dán nhãn năng lượng trong giai đoạn tới.

Nếu như ở giai đoạn đầu chương trình dán nhãn năng lượng bắt buộc chỉ có 4 phòng thử nghiệm trên toàn quốc, 1 phòng thử điều hòa tủ lạnh, 1 phòng thử nghiệm động cơ tại Miền Bắc. Tới nay đã có 12 phòng thử nghiệm được phép thử nghiệm hiệu suất năng lượng cho các phương tiện thiết bị trên toàn quốc.

Nhu cầu thử nghiệm của các Doanh nghiệp đã được đáp ứng, trong đó đối với sản phẩm điều hòa không khí và tủ lạnh đã có 02 phòng thử nghiệm tại Miền Bắc và Miền Nam, 03 phòng thử nghiệm nồi hơi, 02 phòng thử nghiệm Động cơ điện.

3.3 Về Giải thưởng sản phẩm hiệu suất năng lượng cao nhất

Nhằm tăng tốc độ chuyển đổi hiệu suất năng lượng trên thị trường thông qua việc rút ngắn thời gian sửa đổi tiêu chuẩn hiệu suất theo năm, thay vì theo quy định định kỳ 5 năm sửa đổi tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng như trước, thực hiện Quyết định số 280/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030, Bộ Công Thương đã tổ chức triển khai Chương trình Giải thưởng Sản phẩm hiệu suất năng lượng cao nhất từ năm 2020 và sẽ tiếp tục tổ chức trong các năm tiếp theo.

Mục tiêu của chương trình nhằm dẫn dắt thị trường hiệu suất năng lượng, tạo động lực thúc đẩy cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong việc chuyển đổi công nghệ sản xuất, đưa ra thị trường các sản phẩm hiệu suất năng lượng ngày càng cao. Thông qua Chương trình Dán nhãn hiệu suất năng lượng cao nhất, mức tiêu chuẩn hiệu suất thực tế trên thị trường sẽ được xác lập liên tục theo thời gian thay vì việc sửa đổi tiêu chuẩn hiệu suất theo định kỳ năm năm một lần do nhà nước thực hiện như trước đây.

Các sản phẩm tham gia Giải thưởng sản phẩm hiệu suất năng lượng cao nhất được lựa chọn theo các tiêu chí sau: (i) chủng loại sản phẩm đang được sử dụng lớn trên thị trường; (ii) sản phẩm tiêu thụ năng lượng lớn trong các quá trình sản xuất, kinh doanh; (iii) sản phẩm công nghệ mới có tiềm năng cải thiện hiệu suất hoặc giảm sử dụng năng lượng.

Giải thưởng còn góp phần tôn vinh các doanh nghiệp tiên phong có sản phẩm sử dụng năng lượng hiệu suất cao nhất cung cấp cho thị trường Việt Nam hiện nay. Khuyến khích xu hướng tiêu dùng xanh, hướng tới sử dụng các sản phẩm ít tiêu hao năng lượng.

+ Tổ chức các khóa đào tạo tập huấn về các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, quy trình và phương pháp thi công, lắp đặt, bảo hành bảo dưỡng thiết bị điều hòa không khí nhằm đảm bảo vận hành an toàn, tiết kiệm điện.

3.4. Về kiểm toán năng lượng, tư vấn xây dựng và triển khai áp dụng các mô hình quản lý năng lượng, đào tạo, nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý năng lượng tại địa phương và các doanh nghiệp.

Trong quy định hiện hành, việc tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ QLNL và kiểm toán viên năng lượng được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương) cho các đối tượng có đủ điều kiện tham gia.

Từ năm 2020 đến 2023, Vụ TKNL đã hỗ trợ các đơn vị đào tạo Kiểm toán viên năng lượng và Quản lý năng lượng, cụ thể như sau:

- Năm 2020: tổ chức được 17 khóa đào tạo Quản lý năng lượng, cấp chứng chỉ được 441 chứng chỉ; 06 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng, đã cấp chứng chỉ cho 137 học viên tham gia khóa đào tạo.

- Năm 2021: tổ chức được 15 khóa đào tạo Quản lý năng lượng và cấp chứng chỉ được 391 chứng chỉ; 04 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng, đã cấp chứng chỉ cho 71 học viên tham gia khóa đào tạo.

- Năm 2022: tổ chức được 18 khóa đào tạo Quản lý năng lượng và cấp chứng chỉ được 543 chứng chỉ; 03 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng,

đã cấp chứng chỉ cho 45 học viên tham gia khóa đào tạo.

- Năm 2023: tổ chức được 35 khóa đào tạo Quản lý năng lượng và cấp chứng chỉ được 847 chứng chỉ; 05 khóa đào tạo về Kiểm toán viên năng lượng, đã cấp chứng chỉ cho 96 học viên tham gia khóa đào tạo.

Trong giai đoạn 2020-2023, tổng cộng tổ chức được 103 khóa đào tạo và cấp chứng chỉ cho 2571 học viên.

3.5 Về hợp tác quốc tế

Bộ Công Thương đã tổ chức xây dựng và thực hiện có hiệu quả hợp tác quốc tế về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó có một số Chương trình, dự án quy mô lớn do Bộ Công Thương chủ trì như: Chương trình Chuyển đổi năng lượng bền vững Việt Nam-EU với tổng kinh phí tài trợ không hoàn lại 142 triệu Euro trong đó khoản hòa ngân sách 121 triệu Euro và dự án Hỗ trợ chính sách 8,5 triệu Euro; Dự án Thúc đẩy Tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp Việt Nam với tổng kinh phí 11,3 triệu USD; Dự án Tiết kiệm năng lượng cho ngành Công nghiệp Việt Nam với tổng kinh phí 101,7 triệu USD trong đó 100 triệu USD vốn vay IBRD cho vay đầu tư các dự án TKNL và 1,7 triệu vốn vay IDA cho hỗ trợ kỹ thuật.

Bộ Công Thương đã tích cực làm việc với các tổ chức quốc tế kêu gọi sự tài trợ để giúp một số địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình và Chỉ thị về Tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020 – 2025 trên địa bàn. Hiện đã có Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Đan Mạch tài trợ cho hoạt động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2020-2025 của 15 địa phương và tất cả 15 địa phương này đều đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã triển khai một số hoạt động như:

- Xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật thực hiện triển khai định mức tiêu hao năng lượng cho ngành thủy sản theo Thông tư 52/2018/TT-BCT và định mức tiêu hao trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía theo Thông tư 39/2019/TT-BCT.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách quy định pháp luật đối với mô hình kinh doanh dịch vụ tiết kiệm năng lượng (ESCO) .

- Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực, công nhận và công bố các Công ty tư vấn, dịch vụ năng lượng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nền và hệ thống giám sát đánh giá việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Chuẩn hóa Mô hình quản lý năng lượng và kiểm toán năng lượng phù hợp với Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật triển khai giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng.

- Xây dựng mô hình điểm về tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng bằng đèn LED phục vụ sản xuất trong nông nghiệp.

PHẦN THỨ II

NHỮNG BẮT CẬP, HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Luật SDNL TKHQ gồm có 12 chương, 48 điều, quy định các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế, xã hội và quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Những bất cập, hạn chế trong quá trình thi hành luật trong từng nhóm vấn đề như sau:

1. Nhóm 1: Quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với cơ sở sử dụng năng lượng (*Liên quan đến các Điều 1, 2, 21, 26, 27, 29, 30, 32, 33, 34 và 44 Luật SDNL TKHQ*)

Quản lý năng lượng tại các doanh nghiệp (cơ sở sử dụng năng lượng), đặc biệt là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm (CSSDNLTD) là nội dung trọng tâm của Luật SDNL TKHQ. Các phân tích và khảo sát trong quá trình thực thi Luật cho thấy cho thấy còn nhiều hạn chế trong lĩnh vực quản lý năng lượng tại doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Luật SDNLTKHQ quy định các CSSDNLTD phải áp dụng mô hình quản lý năng lượng, có trách nhiệm bổ nhiệm người quản lý năng lượng nhằm xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm về SDNLTKHQ, thực hiện các biện pháp, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp SDNLTKHQ. Ngoài ra các CSSDNLTD có trách nhiệm thực hiện kiểm toán năng lượng 3 năm một lần theo quy định của Luật SDNLTKHQ. Tuy nhiên:

- Tính tuân thủ Luật còn nhiều hạn chế, có hiện tượng doanh nghiệp thực hiện chưa nghiêm các quy định về lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng; hoặc thực hiện một cách hình thức, đối phó với cơ quan quản lý nhà nước;

- Số lượng các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hiện nay (năm 2021) là 3.068 doanh nghiệp, trong đó có: 2.596 cơ sở sản xuất công nghiệp, 10 cơ sở sản xuất nông nghiệp, 55 đơn vị vận tải, 407 công trình xây dựng; chiếm khoảng 50% tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng của cả nước. Do đó, cần nghiên cứu, điều chỉnh theo hướng tăng số lượng cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, đảm bảo mục tiêu tăng cường quản lý bắt buộc đối với nhóm đối tượng sử dụng nhiều năng lượng (Mục tiêu phải đạt tổng năng lượng tiêu thụ của các CSSDNLTD chiếm từ 65-70% tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng của cả nước).

- Áp dụng quy định về mô hình quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đã được các doanh nghiệp tuân thủ và đã đem lại lợi ích cho doanh nghiệp trong việc kiểm soát các chi phí năng lượng trong sản xuất và nhận dạng các cơ hội tiết kiệm năng lượng do công nghệ mới mang lại. Tuy nhiên việc

tuân thủ xây dựng mô hình quản lý năng lượng chưa đồng đều giữa các ngành và lĩnh vực.

Ví dụ qua thực hiện khảo sát, 100% các CSSDNLTĐ thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh, xây dựng đã xây dựng hệ thống quản lý năng lượng.

Tuy nhiên đối với lĩnh vực giao thông vận tải thì các doanh nghiệp hầu hết chưa xây dựng quy định về xây dựng mô hình quản lý năng lượng. Nguyên nhân là do đặc thù ngành nghề nên các doanh nghiệp GTVT khó áp dụng các quy định chung về xây dựng mô hình quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng. Nhiều doanh nghiệp, hiệp hội GTVT đề xuất, khuyến nghị áp dụng mô hình hoặc thiết chế quản lý năng lượng phù hợp đối với từng lĩnh vực đường bộ, đường thủy và hàng không; có thể lựa chọn phương thức quản lý theo hiệu suất năng lượng của phương tiện hoặc tuân thủ các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Tình hình thiếu thông tin về tổ chức quản lý năng lượng từ các lĩnh vực trường học, bệnh viện, cơ sở y tế, trung tâm tiêu thụ năng lượng trong ngành viễn thông xảy ra tương tự như đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm ngành giao thông.

- Việc áp dụng mô hình quản lý năng lượng ở các tập đoàn, tổng công ty nhà nước là tương đối tốt. 100% có Chương trình, kế hoạch tiết kiệm năng lượng.

Tuy nhiên trong lĩnh vực phân phối, kinh doanh xăng dầu còn thiếu đồng bộ và nhất quán. Đánh giá này dựa trên kết quả khảo sát nhận được từ 13 tập đoàn, tổng công ty sản xuất, kinh doanh, phân phối năng lượng.

Trong lĩnh vực điện lực Tập đoàn điện lực Việt Nam và các Tổng công ty Điện lực và các đơn vị trực thuộc là Doanh nghiệp tiên phong và gương mẫu trong triển khai các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tuy nhiên ở phía các Tập đoàn tổng công ty trong lĩnh vực xăng dầu thì vẫn có sự khác biệt trong việc xây dựng triển khai các hoạt động hiệu quả năng lượng.

Các công ty thực hiện quản lý tốt định mức hao hụt xăng dầu như Tổng công ty dầu Việt Nam (PVOil) triển khai hệ thống quy định kỹ thuật về hao hụt xăng dầu rất tốt và bài bản. Các doanh nghiệp khác như Công ty cổ phần Dầu khí Đông Phương, Công ty cổ phần PetroTimes có xây dựng hệ thống quản lý hao hụt xăng dầu theo tiêu chuẩn ISO và hệ thống quản lý riêng. Trong khi đó, còn một số doanh nghiệp lớn chưa dành nhiều quan tâm tới quy định này (không có thông tin phản hồi từ phiếu khảo sát).

Điều này cũng đặt ra những yêu cầu về điều chỉnh quy định đối với các đối tượng áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tế, với đặc thù của các ngành nghề. Đặc biệt cần điều chỉnh phương thức quản lý năng lượng theo hướng tăng cường trách nhiệm giám sát của các cơ quan chủ quản trong giám sát các đơn vị cấp dưới để nâng cao tính tuân thủ của Luật.

- Chất lượng kiểm soát hoạt động sử dụng năng lượng thông qua các báo cáo giám sát đối với các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm vẫn chưa đồng đều.

2. Nhóm 2: Nhóm các quy định quản lý đối với dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Điều 34, Điều 35, Điều 43 Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả quy định dịch vụ tư vấn quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng, tư vấn giải pháp tiết kiệm năng lượng...)

a) Về đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý năng lượng và Kiểm toán năng lượng

Theo Luật SDNLTKHQ, các CSSDNLTĐ có trách nhiệm bổ nhiệm người quản lý năng lượng nhằm xây dựng kế hoạch hàng năm và 5-năm về SDNLTKHQ, thực hiện các biện pháp, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp SDNLTKHQ, hỗ trợ thực hiện xây dựng mô hình quản lý năng lượng (QLNL). Ngoài ra các CSSDNLTĐ có trách nhiệm thực hiện kiểm toán năng lượng 3 năm một lần theo quy định của Luật SDNLTKHQ.

Trong quy định hiện hành, việc tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ QLNL và KTVNL được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương) cho các đối tượng có đủ điều kiện tham gia.

- Quy định Chương trình đào tạo

+ Đào tạo quản lý năng lượng: Chương trình đào tạo Người quản lý năng lượng diễn ra trong 5 ngày. Chương trình được thiết kế để đào tạo Người quản lý năng lượng cho các doanh nghiệp là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo Luật sử dụng năng lượng Tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài ra, đối với các doanh nghiệp không phải là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định của Luật thì khuyến khích tham dự. Chương trình chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo.

+ Đào tạo kiểm toán viên năng lượng: Chương trình đào tạo kiểm toán viên năng lượng được thực hiện trong 11 ngày liên tiếp, bao gồm: 09 ngày đào tạo lý thuyết và 02 ngày đào tạo thực hành. Chương trình thiết kế nhằm hỗ trợ các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các doanh nghiệp nhằm trang bị cho đội ngũ tư vấn viên những kiến thức chuyên sâu, những kỹ năng thực hiện giải pháp tiết kiệm năng lượng để hỗ trợ các doanh nghiệp phát hiện các khâu thất thoát năng lượng (kiểm toán năng lượng), đề xuất các giải pháp và lập kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp triển khai đầu tư thực hiện giải pháp.

- Quy định về Người quản lý năng lượng:

+ Có bằng cao đẳng trở lên về chuyên ngành năng lượng hoặc ngành kỹ thuật liên quan đối với CSSDNLTĐ công nghiệp, công trình xây dựng, hoạt động dịch vụ;

+ Có bằng trung cấp kỹ thuật liên quan trở lên đối với CSSDNLTĐ sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải;

+ Có chứng chỉ QLNL do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Như vậy, quy định của Luật SDNLTKHQ quy định rõ yêu cầu của NQLNL và KTVNL. Các CSSDNLTD phải bổ nhiệm NQLNL và các tổ chức Kiểm toán năng lượng muốn hoạt động phải có đội ngũ KTVNL có chứng chỉ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Qua công tác quản lý, giám sát về tuân thủ quy định của Luật có thể thấy rằng:

- Phần lớn các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đã có người quản lý năng lượng đáp ứng theo các quy định của Luật. Tuy nhiên, lực lượng Người quản lý năng lượng của doanh nghiệp thường xuyên biến động do thay đổi công việc của những người đã được đào tạo hoặc các doanh nghiệp thay đổi vị trí của những người đã được đào tạo.

+ Về cơ bản, đội ngũ quản lý năng lượng sau khi được cấp chứng chỉ quản lý năng lượng đều đáp ứng được yêu cầu về quản lý năng lượng tại doanh nghiệp.

+ Về kiến thức và kỹ năng: Người quản lý năng lượng đều được trang bị kiến thức và kỹ năng nhằm xây dựng và triển khai kế hoạch năng lượng tại doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu nâng cao hiệu suất của doanh nghiệp. Tuy nhiên, vai trò của Người quản lý năng lượng tại nhiều doanh nghiệp chưa được phát huy đầy đủ theo đúng yêu cầu của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

+ Theo quy định hiện hành, Người quản lý năng lượng được đào tạo và cấp chứng chỉ theo quy định không phải sát hạch hay đánh giá lại theo định kỳ. Do vậy, nhiều công nghệ mới, giải pháp mới chưa được Người quản lý năng lượng cập nhật và nắm bắt kịp. Do đó, cần có quy định về thời hạn của chứng chỉ Người quản lý năng lượng hoặc thời hạn đào tạo cập nhật kiến thức, giải pháp nhằm bảo đảm phát huy được vai trò của Người quản lý năng lượng tại doanh nghiệp.

- Quy định về Kiểm toán viên năng lượng:

+ Người tham gia dự tuyển khóa đào tạo kiểm toán viên năng lượng phải có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về lĩnh vực năng lượng hoặc ngành kỹ thuật liên quan và có từ 3 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực năng lượng.

+ Đội ngũ kiểm toán viên năng lượng sau khi hoàn thành khóa đào tạo đều được trang bị kiến thức, kỹ năng triển khai công việc trong các lĩnh vực từ khai thác đến sử dụng các công nghệ năng lượng khác nhau.

+ Đội ngũ kiểm toán viên năng lượng đã góp phần thúc đẩy thị trường tiết kiệm năng lượng cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

+ Theo quy định, Kiểm toán viên năng lượng sau khi được đào tạo và cấp chứng chỉ có thể hành nghề kiểm toán năng lượng. KTVNL chỉ được đào tạo một lần và không quy định thời hạn sát hạch lại hoặc bổ sung kiến thức, điều này tạo ra rào cản trong việc thúc đẩy các KTVNL tìm hiểu, nắm bắt các công nghệ mới, tìm tòi các giải pháp tiên tiến trên thế giới cũng như những thay đổi về công nghệ

tại doanh nghiệp. Do vậy, cần có khung thời gian sát hạch lại đối với kiểm toán viên nhằm đánh giá và trang bị những giải pháp mới, công nghệ mới trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Theo Thông tư số 39/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đào tạo cấp chứng chỉ quản lý năng lượng; kiểm toán viên năng lượng và Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, không có quy định về cơ sở đào tạo. Do vậy, chất lượng đào tạo Người quản lý năng lượng, Kiểm toán viên năng lượng còn chưa cao, cơ sở thực hành còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo thực tế cho các học viên tham gia khóa đào tạo.

- Với các quy định hiện hành này, các đơn vị có chức năng đào tạo là có thể tham gia đào tạo trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Điều này thể hiện được sự xã hội hóa, tuy nhiên không đáp ứng được yêu cầu của Bộ Công Thương trong việc đào tạo vì theo Chương trình được thiết kế, các học viên được đào tạo cả về lý thuyết và thực hành nhằm triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng ngay tại doanh nghiệp sau khi được đào tạo.

- Mặt khác, theo Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030, Bộ Công Thương sẽ đầu tư 03 Trung tâm đào tạo quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại 03 miền. Các Trung tâm đào tạo sau khi được đầu tư sẽ đáp ứng được các yêu cầu về lý thuyết và thực hành các công nghệ theo giáo trình đã được xây dựng.

- Những tồn tại, hạn chế về nguồn nhân lực khi triển khai hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các địa phương như: thiếu chuyên gia có kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn, biên chế nhân lực làm việc trong lĩnh vực TKNL luôn biến động, không ổn định, công tác đào tạo chuyên môn chưa được thương xuyên, thông tin về công nghệ, thiết bị chưa được cập nhật cho các đối tượng liên quan, v.v....

b) Dịch vụ tư vấn năng lượng:

- Dịch vụ tư vấn năng lượng đã được quy định tại Điều 43 Luật SDLN TKHQ, tuy nhiên các quy định này còn mang tính khuyến khích, chưa tạo được biện pháp quản lý phù hợp để thúc đẩy thị trường dịch vụ TKNL, hoạt động kiểm toán năng lượng có hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, chất lượng kiểm toán năng lượng còn thấp, không có cơ quan độc lập để kiểm định chất lượng dịch vụ kiểm toán năng lượng, tư vấn năng lượng; đặc biệt là mô hình Công ty dịch vụ tư vấn năng lượng mang tính tự phát, chưa phát triển tại Việt Nam.

- Các dịch vụ tư vấn tiết kiệm năng lượng, kiểm toán viên năng lượng là tổ chức, cá nhân kết nối tổ chức tài chính đã trở thành mô hình kinh doanh thành công trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng và được phổ biến ở nhiều nước trên thế

giới. Kinh nghiệm thực tế của các nước cho thấy, việc thực hiện Hợp đồng hiệu quả năng lượng thông qua các Công ty dịch vụ năng lượng đã đóng góp đáng kể cho việc mở rộng thị trường hiệu quả năng lượng và giảm dần vốn từ ngân sách của Chính phủ vì các nhà đầu tư tư nhân cùng các bên liên quan đã được huy động tham gia đầu tư vào các dự án/công trình hiệu quả năng lượng. Ở Việt Nam, mô hình Công ty dịch vụ năng lượng chưa được phổ biến, hoạt động mang tính tự phát giữa các doanh nghiệp, không có sự tham gia và giám sát của bên thứ ba, thị trường nhỏ lẻ, chưa được các doanh nghiệp quan tâm. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do thiếu khung pháp lý cụ thể tạo điều kiện và khuyến khích các bên tham gia.

- Hiện nay việc tạo ra mạng lưới các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên cả nước đã và đang đáp ứng được nhu cầu triển khai thực hiện các quy định của Luật cũng như đáp ứng được nhu cầu tư vấn, triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các doanh nghiệp trong cả nước. Tuy nhiên, việc thiếu các quy định giám sát việc thực hiện đối với các đơn vị tư vấn đã và đang gây ra những bất cập trong việc quản lý như: chất lượng tư vấn của các đơn vị không đồng đều, thiếu các quy định về chất lượng thiết bị kiểm tra năng lượng, thị trường tiết kiệm năng lượng bị bóp méo,...

- Để giải quyết những vấn đề này cần có các quy định để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Hơn nữa, mô hình công ty dịch vụ tư vấn năng lượng đã, đang được triển khai rất thành công trên nhiều quốc gia trên thế giới. Đây là mô hình giúp thúc đẩy các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước khi triển khai thực hiện đầu tư công nghệ, giải pháp tiết kiệm năng lượng nhưng không thu xếp được vốn, công nghệ thì sẽ giải quyết qua các đơn vị dịch vụ năng lượng, đảm bảo hai bên cùng có lợi và theo nguyên tắc tiết kiệm năng lượng.

3. Nhóm 3: Nhóm chính sách, quy định về chính sách ưu đãi, công cụ hỗ trợ tài chính cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Điều 41, Điều 42 của Luật: Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng năng lượng bao gồm các công cụ hỗ trợ kinh phí từ Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Hỗ trợ đầu tư sản xuất sản phẩm TKNL; đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ TKNL được ưu đãi, hỗ trợ ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế; ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai; Được vay vốn từ Ngân hàng Phát triển; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao;

Các ưu đãi về thuế suất đối với sản xuất, kinh doanh phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ TKNL; sản phẩm TKNL; các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng

khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định.

Đối với các ưu đãi về thuế, qua rà soát và tổng hợp từ các Bộ, ngành, đặc biệt là Bộ Tài chính, thì hiện trạng như sau:

a) Về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB):

Chính sách thuế TTĐB hiện hành đã có ưu đãi đối với các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng nhiên liệu sạch và nguồn năng lượng sạch, cụ thể như sau:

(i) Đối với mặt hàng xăng sinh học:

Theo quy định của Luật số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội, thuế suất thuế TTĐB ưu đãi đối với mặt hàng xăng E5 là 8%, xăng E10 là 7% từ ngày 01/01/2016 (thấp hơn mức thuế suất thuế TTĐB 10% áp dụng với xăng RON 92) để khuyến khích hơn nữa việc sử dụng nhiên liệu sinh học, sử dụng nhiên liệu còn từ sản xuất trong nước, góp phần bảo vệ môi trường.

(ii) Đối với mặt hàng ô tô:

Luật Thuế TTĐB hiện hành đã quy định áp dụng mức thuế suất TTĐB thấp hơn đối với xe ô tô thân thiện với môi trường, sử dụng nguồn năng lượng sạch, cụ thể:

- Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng: Mức thuế suất thuế TTĐB bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe có dung tích cùng loại.

- Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học: Mức thuế TTĐB bằng 50% mức thuế suất áp dụng cho xe có dung tích cùng loại.

- Xe ô tô điện chạy bằng pin: Từ ngày 01/3/2022 đến ngày 28/02/2027, thuế suất thuế TTĐB đối với xe điện chạy bằng pin tùy theo số chỗ ngồi là 1%, 2%, 3% và mức thuế suất từ 5% đến 15% (tùy theo số chỗ ngồi). Trong khi mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô sử dụng xăng, nhiên liệu hóa thạch là từ 15% - 150%.

Ngoài ra, để khuyến khích phát triển dòng xe chiến lược dung tích nhỏ, thúc đẩy việc sử dụng các chủng loại xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường, tại Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 đã quy định giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô dưới 9 chỗ có dung tích xi lanh từ 2.000 cm³ trở xuống và giảm thuế suất thuế TTĐB đối với ô tô điện.

b) Về thuế giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế GTGT thu theo hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt theo mục đích, đối tượng sử dụng hàng hóa, dịch vụ. Pháp luật thuế GTGT hiện hành quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới để góp phần khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

c) Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Các ưu đãi thuế quy định tại các Luật thuế thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Luật Thuế TNDN hiện hành đã có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó ưu đãi ở mức cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế đối với lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường..., cụ thể:

(i) Miễn thuế đối với: Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải; Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành; thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...

(ii) Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường bao gồm: Sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường; thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải...

(iii) Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường. Đồng thời, trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 9 năm tiếp theo; doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa tại địa bàn khác được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa trong 5 năm tiếp theo.

(iv) Ngoài ra, thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng được áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo; doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế TNDN tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ.

d) Hỗ trợ tài chính cho hoạt động TKNL

Để triển khai trong thực tế thì Điều 41, 42 cần được hài hòa với các luật khác và quy định cụ thể như: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Đất đai; Luật Đầu tư và các pháp luật liên quan khác. Để tiếp cận các nguồn tài chính ưu đãi đã nêu trong Điều 41, cần có những quy chế cho vay, hỗ trợ của các quỹ và chương trình được nêu tại Điểm (c), Khoản (2)

cho các dự án TKNL. Tuy nhiên hiện nay, các văn bản hướng dẫn chi tiết của các quỹ này chưa có nội dung hỗ trợ đối với các Dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng (DABTTKNL).

e) Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho hoạt động TKNL

Tại Việt Nam, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư được quy định theo lĩnh vực đầu tư hoặc địa bàn đầu tư. Quy định cao nhất là tại Luật đầu tư.

+ Ưu đãi đầu tư

Ưu đãi đầu tư chủ yếu dưới hình thức thuế như thuế TNDN và thuế XNK và tiền thuê và sử dụng đất giành cho dự án đầu tư mới hoặc dự án mở rộng đầu tư trong đó có dự án sản xuất sản phẩm TKNL và những dự án trong các vùng và lĩnh vực ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định. Lĩnh vực ưu đãi đầu tư hiện nay đang được phân loại theo đầu ra của sản xuất nên không xác định được DABTTKNL có nằm trong danh mục ưu đãi không. Địa bàn ưu đãi đầu tư chủ yếu là nông thôn, miền núi nơi tiêu thụ năng lượng ít và ít có các DNCN lớn. Ưu đãi giành cho phát triển các cụm công nghiệp (CCN) thì tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng kết nối CCN với bên ngoài. Theo danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP thì ngành nghề ưu đãi đầu tư đã bao gồm sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, tuy nhiên chưa có quy định ưu đãi cho hoạt động đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ TKNL, thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, trong khi đây mới là lĩnh vực chính cần được ưu đãi thúc đẩy đầu tư. Như vậy DABTTKNL chưa có trong danh mục ưu đãi đầu tư.

+ Hỗ trợ đầu tư

Hỗ trợ đầu tư dưới nhiều hình thức từ nâng cao năng lực đến hỗ trợ tín dụng và phát triển thị trường được giành cho một số loại hình DN như DNNVV, DN công nghệ cao v.v. và xây dựng cơ sở hạ tầng bên ngoài các khu CN, vùng kinh tế, khu công nghệ cao.v.v. Mặc dù không có quy định hỗ trợ liên quan đến lĩnh vực đầu tư TKNL, nhưng các doanh nghiệp thuộc các loại hình được hỗ trợ nêu trên có thể tiếp cận các nguồn tài chính hỗ trợ khi thực hiện dự án TKNL.

g) Tín dụng xanh

Ngân hàng nhà nước (NHNN) trong Chỉ thị 03/CT-NHNN 2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng đã yêu cầu các ngân hàng thương mại (NHTM) tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục tín dụng đầu tư, trong đó có cả tín dụng cho đầu tư dự án TKNL. Đây là văn bản cho phép và khuyến khích các NHTM đưa ra các sản phẩm tín dụng xanh ưu đãi và cũng yêu cầu các tổ chức này báo cáo kết quả hoạt động tín dụng xanh cho NHNN theo quý. Tuy nhiên chính sách mới thực thi và kết quả không cao như mong muốn của các nhà hoạch định chính sách do các NHTM gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm, đánh giá, thẩm định các dự án TTX để cho vay.

Hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh theo Luật Bảo vệ môi trường về quy định dự án cấp tín dụng xanh. Vì vậy, cần phải đưa danh mục, tiêu chí các dự án đầu tư tiết kiệm năng lượng vào các dự án được cấp tín dụng xanh để đảm bảo thực hiện ưu đãi đầu tư cho các dự án TKNL.

Hạn chế quan trọng nhất về mặt pháp lý là các chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực TKNL (như: hỗ trợ vốn, đất đai, miễn giảm thuế, phí) chưa được nêu cụ thể trong các hướng dẫn thực hiện các chương trình/kế hoạch này và các văn bản quy phạm pháp luật về tín dụng, thuế, đầu tư, đất đai nên thực tế chưa đi vào cuộc sống, chưa có tác dụng khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư lớn vào các lĩnh vực này một cách bền vững.

Đánh giá chung: hạn chế của các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực TKNL bằng các công cụ tài chính truyền thống (như: hỗ trợ vốn, đất đai, miễn giảm thuế, phí) chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tín dụng, thuế, đầu tư, đất đai nên chưa có tác dụng khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực này một cách bền vững. Các công cụ tài chính phi truyền thống vận hành dưới dạng Quỹ tài chính đã được giới thiệu và từng bước đưa vào áp dụng tại Việt Nam thời gian gần đây đã đạt được những kết quả thành công nhất định ở quy mô thử nghiệm và đã chứng minh Quỹ tài chính là công cụ phù hợp để thúc đẩy thị trường TKNL chưa phát triển tại Việt Nam hiện nay.

Bộ Công Thương đang điều phối triển khai thực hiện VNEEP III cho giai đoạn 2019 – 2030, trong đó có hoạt động xây dựng thí điểm quỹ tài chính hỗ trợ cho TKNL – đây là hoạt động cần thực hiện sớm để VNEEP III có thể hỗ trợ không chỉ thành lập quỹ, ban hành các quy chế tổ chức, quản lý quỹ, mà còn nâng cao năng lực toàn diện cho nhân lực của quỹ trong hoạt động hỗ trợ thực hiện DADTTKNL của các doanh nghiệp và thu hút các nguồn vốn, nguồn tài trợ trong và ngoài nước. Việc thành lập Quỹ TKNL cũng sẽ giúp cho các nguồn lực tài chính hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động TKNL được thống nhất, tập trung, tránh dàn trải để tăng hiệu quả cho các hoạt động hỗ trợ cụ thể của Chính phủ đối với đầu tư TKNL.

4. Nhóm 4: Nhóm chính sách chuyển đổi thị trường và quản lý hiệu suất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng (Quy định tại Chương IX: Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40)

- Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Chương IX Quản lý phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng (Điều 37, 38, 39, 40); Chính phủ đã quy định chi tiết các quy định liên quan đến chương trình chuyển đổi thị trường hiệu suất năng lượng cho phương tiện thiết bị tại Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Chương V dán nhãn cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng từ Điều 14 đến Điều 23)

- Nghị định 17/2022/NĐ-CP Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí (Thay thế nghị định 134/2013/NĐ-CP)

- Thông tư 36/2016/TT-BCT quy định dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. (Thay thế Thông tư 07/2012/TT-BCT)

Chương trình tiêu chuẩn và dán nhãn năng lượng bắt đầu từ những năm 1970 được triển khai trên hơn 120 quốc gia thực hiện áp dụng bắt buộc các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng và dán nhãn cho hơn 50 loại phương tiện thiết bị tùy theo thiết kế và phạm vi áp dụng theo điều kiện của từng quốc gia. Trong đó, hơn 100 quốc gia hiện đang sử dụng các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng hoặc dán nhãn năng lượng bắt buộc cho máy điều hòa không khí, tủ lạnh, thiết bị chiếu sáng hoặc động cơ công nghiệp.. Nhãn năng lượng là công cụ hiệu quả trong thúc đẩy thị trường cho các phương tiện và thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.

Thông qua việc đưa ra thông tin trực quan về hiệu suất năng lượng và mức độ hiệu quả sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị, Chương trình Dán nhãn năng lượng giúp đạt mục đích chính là (i) Nâng cao nhận thức người tiêu dùng về sản phẩm tiết kiệm năng lượng, (ii) hướng đến chuyển đổi thị trường từ sản phẩm hiệu suất thấp tiêu tốn năng lượng, sang sản phẩm hiệu suất cao tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Chương trình dán nhãn năng lượng được thực hiện thông qua việc xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng cho các sản phẩm tiêu thụ năng lượng lớn trên thị trường. Hệ thống tiêu chuẩn hiệu suất này là căn cứ để các doanh nghiệp thực hiện công bố hiệu suất năng lượng trên các phương tiện thiết bị, sản phẩm khi lưu hành trên thị trường. Hệ thống tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng được định kỳ rà soát sửa đổi năm một lần theo quy định.

Chương trình dán nhãn năng lượng tại Việt Nam được bắt đầu triển khai từ năm 2008 theo hình thức tự nguyện đối với sản phẩm đèn chiếu sáng và bình đun nước nóng, Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg được thay thế bởi Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg về việc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu đó bắt buộc thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 với một số phương tiện, thiết bị.

Chương trình dán nhãn năng lượng được thực hiện theo Thông tư 36/2016/TT-BCT, thủ tục đăng ký dán nhãn năng lượng đã chuyển từ hình thức tiền kiểm sang hậu kiểm, Các doanh nghiệp tự công bố sản phẩm dán nhãn năng lượng tới Bộ Công Thương, và tự chịu trách nhiệm về thông tin sản phẩm đăng ký. Chương trình dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 09 chỗ trở xuống, xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới do Bộ Giao thông Vận tải quản lý được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số

43/2014/TTLT-BGTVT-BCT, Thông tư số 40/2017/TT-BGTVT và Thông tư số 59/2018/TT-BGTVT.

Bộ Công Thương cũng triển khai dịch vụ công cấp độ 4 tại địa chỉ online.moit.gov.vn để tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố dán nhãn năng lượng của doanh nghiệp.

Qua quá trình triển khai, Doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa trong việc thực hiện thủ tục liên quan để đăng ký dán nhãn năng lượng, giảm thiểu tối đa thời gian đăng ký. Doanh nghiệp tự thực hiện việc công bố dán nhãn mà không cần chờ đợi trả kết quả từ cơ quan quản lý.

Chương trình dán nhãn năng lượng đã góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi thị trường các sản phẩm tiêu thụ năng lượng các doanh nghiệp được đánh giá cao chương trình dán nhãn năng lượng trong việc tạo ra một thị trường minh bạch đối với sản phẩm trong chương trình dán nhãn năng lượng. Chương trình dán nhãn hiệu suất năng lượng đã tạo ra động lực thúc đẩy cạnh tranh về cung cấp các sản phẩm hiệu suất năng lượng cao ra thị trường

Mức độ tuân thủ các quy định về hiệu suất năng lượng là rất cao tuy nhiên, có sự lo ngại các doanh nghiệp lợi dụng chính sách tự công bố để đăng thông tin sai về sản phẩm lừa dối người tiêu dùng. Chính vì vậy cơ quan quản lý cần phải tăng cường hoạt động kiểm tra kiểm soát trên thị trường.

Hàng năm, Bộ Công Thương tăng cường thanh tra kiểm tra về dán nhãn năng lượng trên thị trường, triển khai các đoàn kiểm tra thực thi pháp luật về dán nhãn năng lượng, Thành phần kiểm tra bao gồm Thanh tra Bộ, Sở Công Thương, Cơ quan quản lý thị trường kiểm tra các đơn vị sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh các sản phẩm phải thực hiện dán nhãn năng lượng.

Quá trình kiểm tra giám sát tại Doanh nghiệp, lỗi thường gặp như dán nhãn sai quy cách, in thông tin trên nhãn chưa đầy đủ. Các đơn vị kinh doanh hàng hóa phương tiện thiết bị không dán nhãn hoặc dán nhãn bị che lấp. Các đơn vị trên đều đã phải có hành động khắc phục sửa đổi bổ sung lại các sản phẩm vi phạm cam kết tuân thủ theo quy định. Các doanh nghiệp dán nhãn năng lượng có xu hướng e ngại trong cung cấp các thông tin liên quan đến số lượng, chủng loại thiết bị phải dán nhãn cung cấp ra thị trường (Nhóm chỉ tiêu quy định tại Điều 3, Nghị định 21), cần mở rộng đối tượng dán nhãn....

5. Nhóm 5: Tổ chức triển khai thực hiện và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong hoạt động SDNL TKHQ (Liên quan đến Điều 30, 39 và 44 luật SDNL TKHQ)

Luật SDNL TKHQ hiện hành đã quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Tuy nhiên, các quy định này chưa được phân cấp chi tiết giữ Trung ương và địa phương, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương trong hoạt động chuyên môn; Quy định về mua sắm trang thiết bị TKNL trong đầu tư công từ vốn ngân sách nhà nước chưa được quan tâm thực hiện; hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở/đơn vị vi phạm các quy

định của Luật chưa hiệu quả. Do vậy, hoàn thiện quy định tại Luật SDNL TKHQ theo hướng phân định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước (trung ương và địa phương) trong việc xây dựng chính sách và quản lý hoạt động TKNL nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động SDNL TKHQ nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phù hợp với thực tiễn của quản lý và sử dụng năng lượng của Việt Nam, loại bỏ các quy định không còn phù hợp, chồng chéo.

PHẦN THỨ III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng năng lượng trên thế giới đang diễn ra phức tạp, khó lường, các nguồn năng lượng hoá thạch đang ngày càng cạn kiệt, các nguồn năng lượng tái tạo giá thành còn cao và thiếu ổn định, chưa hoàn toàn thay thế được năng lượng truyền thống.

Để đảm bảo nhu cầu năng lượng phục vụ sản xuất và đời sống, việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng đang trở thành vấn đề cấp bách, mang tính toàn cầu, trở thành giải pháp quan trọng giúp giảm áp lực cung cấp điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia cũng như đẩy mạnh thực hiện lộ trình trung hoà cacbon vào năm 2050 theo cam kết tại Hội nghị COP 26, thúc đẩy kinh tế xanh, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung Luật là hết sức cần thiết.

Theo đó, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, dự thảo đề xuất tập trung vào 04 nhóm chính sách, giải quyết những bất cập hiện nay đồng thời giúp thúc đẩy hiệu quả sử dụng năng lượng trong giai đoạn tới.

1. Chính sách về nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Bổ sung quy định về quản lý năng lượng đối với mô hình tập đoàn, tổng công ty, đặc biệt trong lĩnh vực kiểm soát định mức hao hụt xăng dầu.

- Xem xét điều chỉnh mức sử dụng năng lượng hiện hành đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm lĩnh vực xây dựng, giao thông, nông nghiệp (1.000 TOE đối với cơ sở sử dụng năng lượng thuộc lĩnh vực nông nghiệp, giao thông vận tải và 500 TOE đối với xây dựng) theo phương án phân loại (loại I, II hoặc III), tương ứng với từng loại sẽ khuyến nghị áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp.

- Xem xét điều chỉnh tăng cường trách nhiệm của địa phương trong việc kiểm tra tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng của các doanh nghiệp tại địa phương và việc xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của địa phương.

- Tăng cường chế tài để đảm bảo tuân thủ việc cung cấp thông tin, số liệu tiêu thụ năng lượng và số liệu kinh doanh của các doanh nghiệp cho cơ quan chức năng.

- Bổ sung quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ, ngành và UBND các tỉnh về trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện và kết quả công tác thanh, kiểm tra hàng năm cho cấp có thẩm quyền.

- Bổ sung trách nhiệm quản lý hoạt động dán nhãn năng lượng đối với sản phẩm vật liệu xây dựng cho Bộ Xây dựng trong tổ chức, triển khai, thực hiện kiểm tra giám sát.

- Rà soát việc phân cấp quản lý Nhà nước trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giữa các cơ quan Trung ương và địa phương, quy định cụ thể vai trò và trách nhiệm của cơ quan đầu mối quốc gia, các Bộ, ngành liên quan và địa phương, đặc biệt là vai trò đầu mối tổ chức triển khai toàn bộ hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Rà soát việc phân cấp phối hợp tổ chức thống kê trong lĩnh vực sử dụng năng lượng (bao gồm cả lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải và nông nghiệp) phù hợp với quy định của Luật Thống kê.

2. Chính sách về quản lý, phát triển đối với dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Sửa đổi, bổ sung quy định của Luật liên quan đến hoạt động đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn bao gồm đào tạo lần đầu, cập nhật kiến thức, đào tạo lại v.v... cho các tổ chức, cá nhân tư vấn hoạt động trong lĩnh vực TKNL, lực lượng Kiểm toán viên năng lượng và Người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng.

- Quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng.

- Nghiên cứu, rà soát, xây dựng các quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh đối với tổ chức hành nghề kiểm toán năng lượng theo quy định Luật Đầu tư kinh doanh 2020.

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế hỗ trợ và hình thành hệ thống các Công ty dịch vụ tư vấn năng lượng.

3. Chính sách, quy định về chính sách ưu đãi, công cụ hỗ trợ tài chính cho lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Xây dựng công cụ quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên cơ sở thúc đẩy mọi nguồn lực xã hội cả trong và ngoài nước để hỗ trợ triển khai các hoạt động TKNL tại Việt Nam.

- Bổ sung, làm rõ đối tượng về hỗ trợ thuế, hỗ trợ tài chính đối với các dự án đầu tư các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó bao gồm các dự án nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng.

- Đề xuất các công cụ hỗ trợ tài chính về thu xếp vốn đầu tư, chia sẻ lợi nhuận - rủi ro, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ kỹ thuật các công ty dịch vụ năng lượng.
- Cung cấp vốn và trợ giúp kỹ thuật cho các dự án TKNL và có tính khả thi về tài chính nhưng thiếu vốn ban đầu và đang tìm kiếm nguồn vốn ưu đãi, thúc đẩy đầu tư TKNL thông qua các hình thức đa dạng khác nhau bao gồm đầu tư mạo hiểm, vốn tự có, thuê tài sản, tín dụng carbon, quỹ bảo lãnh tín dụng và trợ giúp kỹ thuật.

4. Chính sách chuyển đổi thị trường và quản lý hiệu suất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng.

- Nghiên cứu bổ sung Chương trình hiệu suất năng lượng cao nhất để đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi thị trường tiêu thụ các phương tiện, thiết bị hiệu suất năng lượng cao.
- Nghiên cứu mở rộng, bổ sung danh mục phương tiện, thiết bị tiêu thụ năng lượng vào chương trình dán nhãn năng lượng. Bổ sung đối tượng dán nhãn năng lượng cho nhóm vật liệu xây dựng bao gồm: sản phẩm kính, gạch không nung...
- Bãi bỏ quy định cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chuyển sang hình thức doanh nghiệp tự công bố nhãn năng lượng.
- Rà soát, nghiên cứu cơ chế ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các sản phẩm hiệu suất cao hơn có tính định hướng thị trường, từng bước loại bỏ các phương tiện, thiết bị, sản phẩm sử dụng năng lượng hiệu suất thấp.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, TKNL.



Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC I: DANH MỤC VĂN BẢN VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
I	Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan trung ương ban hành		
<i>I.1</i>	<i>Luật, Nghị quyết của Quốc hội</i>		
1	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	17/06/2010	01/01/2011
<i>I.2</i>	<i>Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>		
1	Nghị định số 21/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	29/3/2011	05/05/2011
2	Nghị định số 134/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	17/10/2013	01/12/2013
3	Nghị định số 17/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.	31/01/2022	31/01/2022
4	Quyết định 04/2017/QĐ-TTg Quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện	9/3/2017	25/4/2017
5	Quyết định số 14/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới	24/5/2023	15/7/2023
6	Quyết định 68/2011/QĐ-TTg ban hành Danh mục phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng được trang bị, mua sắm đối với cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước	12/12/2011	01/02/2012

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
I.3	<i>Thông tư; Thông tư liên tịch của các bộ, cơ quan ngang bộ</i>		
1	Thông tư số 39/2011/TT-BCT quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng	28/10/2011	15/12/2011
2	Thông tư số 64/2011/TT-BGTVT quy định biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải	26/12/2011	09/02/2012
3	Thông tư số 19/2013/TT-BNNPTNT hướng dẫn biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp	15/3/2013	01/05/2013
4	Thông tư số 02/2014/TT- BCT quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành công nghiệp	16/01/2014	01/06/2014
5	Thông tư số 19/2016/TT-BCT quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và nước giải khát	14/9/2016	01/11/2016
6	Thông tư số 20/2016/TT-BCT quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp thép	20/9/2016	08/11/2016
7	Thông tư số 36/2016/TT-BCT Quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	28/12/2016	10/02/2017
8	Thông tư số 38/2016/TT-BCT Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành nhựa	28/12/2016	10/02/2017
9	Thông tư số 24/2017/TT-BCT Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành sản xuất giấy	23/11/2017	10/01/2018
10	Thông tư số 15/2017/TT-BXD Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả, mã số QCVN 09:2017/BXD.	28/12/2017	01/06/2018
11	Thông tư số 40/2017/TT-BGTVT Hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại trên 07 chỗ đến 09 chỗ	09/11/2017	01/01/2018
12	Thông tư số 91/2018/TT-BTC Hướng dẫn lập,	28/9/2018	18/12/2018

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
	quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện lộ trình dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu		
13	Thông tư số 52/2018/TT-BCT Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp chế biến thủy sản, áp dụng cho quá trình chế biến công nghiệp của các nhóm sản phẩm cá da trơn và tôm	25/12/2018	18/02/2019
14	Thông tư số 39/2019/TT-BCT quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất đường mía	29/11/2019	14/01/2020
15	Thông tư số 59/2018/TT-BGTVT hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu	17/12/2018	01/01/2020
16	Thông tư số 25/2020/TT-BCT quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng	29/09/2020	13/11/2020
17	Thông tư số 111/2009/TTLT-BTC-BCT của liên Bộ Tài chính và Công Thương ngày 01/6/2009 về Hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	01/6/2009	15/7/2009
18	Thông tư liên tịch số 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24/9/2014 quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống	24/9/2014	01/12/2014
19	Thông tư số 59/2018/TT-BGTVT hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu	12/12/2018	01/01/2020
20	Thông tư số 48/2022/TT-BGTVT hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con, xe mô tô, xe gắn máy sử dụng điện và hybrid điện	30/12/2022	01/7/2023
II	Văn bản chỉ đạo điều hành của TW, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành		
1	Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045	11/2/2020	11/2/2020

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
2	Nghị quyết số 140/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55/NQ/TW	02/10/2020	02/10/2020
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hàng năm ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm	Hàng năm	
4	Chỉ thị số 20/2020/CT-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2020 về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025	07/5/2020	07/5/2020
5	Chỉ thị số 20/2023/CT-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2023 về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo	08/6/2023	08/6/2023
6	Quyết định số 280/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030	13/3/2019	13/3/2019
7	Quyết định số 12/QĐ-BCĐTKNL Quy chế xây dựng, tuyển chọn và tổ chức quản lý thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.	19/1/2022	19/1/2022
8	Quyết định số 145/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn kỹ thuật triển khai thực hiện các giải pháp thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.	08/02/2022	08/02/2022
9	Quyết định số 2539/2020 của Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn kiểm tra hiệu suất năng lượng cho các phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng và áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu lưu thông trên thị trường.	30/9/2020	30/9/2020
10	Quyết định số 1677/QĐ-BXD ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	30/12/2020	30/12/2020

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC TCVN VỀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhận năng lượng
1.	1. Nhóm thiết bị gia dụng	1. Đèn huỳnh quang ống thẳng	TCVN 8249:2009	Bóng đèn huỳnh quang dạng ống – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
2.			TCVN 8249:2013	Bóng đèn huỳnh quang dạng ống – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
3.		2. Đèn huỳnh quang compact	TCVN 7896:2008	Bóng đèn huỳnh quang compact – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
4.			TCVN 7896:2015	Bóng đèn huỳnh quang compact – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
5.		3. Chấn lưu điện tử cho đèn huỳnh quang	TCVN 8248:2009	Balats điện tử - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
6.			TCVN 8248:2013	Balats điện tử - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
7.		4.Chấn lưu điện tử cho đèn huỳnh quang	TCVN 7897:2008	Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
8.			TCVN 7897:2013	Balat điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
9.		5.Máy điều hòa nhiệt độ	TCVN 7830:2007	Điều hòa không khí – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
10.			TCVN 7831:2007	Điều hòa không khí – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
11.			TCVN 7830:2012	Điều hòa không khí không ống gió– Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
12.			TCVN 7831:2012	Điều hòa không khí không ống gió– Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
13.			TCVN 7830:2015	Điều hòa không khí không ống gió– Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
14.	6. Tủ lạnh		TCVN 7830:2021	Điều hòa không khí không ống gió – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
15.			TCVN 7828:2007	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Hiệu suất năng lượng	
16.			TCVN 7829:2007	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
17.			TCVN 7828:2013	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
18.			TCVN 7829:2013	Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
19.			TCVN 7829:2016	Tủ Mát, Tủ Lạnh, Tủ Đông – Phương Pháp Xác Định Hiệu Suất Năng Lượng	
20.			TCVN 7828:2016	Tủ Mát, Tủ Lạnh, Tủ Đông – Hiệu Suất Năng Lượng	Nhãn so sánh
			TCVN 8526:2010	Máy giặt – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	
			TCVN 8526:2013	Máy giặt – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	
21.	8. Nồi cơm điện		TCVN 8252:2009	Nồi cơm điện – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
22.			TCVN 8252:2015	Nồi cơm điện – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
23.			TCVN 7826:2007	Quạt điện – Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
24.			TCVN 7827:2007	Quạt điện – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
25.			TCVN 7826:2015	Quạt điện – Hiệu suất năng lượng	
26.			TCVN 7827:2015	Quạt điện – Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
27.			TCVN 9536:2012	Máy thu hình - Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
28.			TCVN 9537:2012	Máy thu hình - Phương pháp xác định Hiệu suất năng lượng	
29.			TCVN 9536:2021	Máy thu hình - Hiệu suất năng lượng	

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhân năng lượng
30.		11. Đèn LED	TCVN 11844:2017	Đèn Led – Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
31.			TCVN 11843:2017	Phương Pháp Thử Bóng Đèn Led, Đèn Điện Led Và Môđun Led	
32.			TCVN 11842:2017	Dự Đoán Độ Duy Trì Quang Thông Dài Hạn Của Nguồn Sáng Led	
33.			TCVN 7898:2009	Bình đun nước nóng có dự trữ - Hiệu suất năng lượng	
34.		12. Bình đun nước nóng có dự trữ	TCVN 7898:2018	Bình đun nước nóng có dự trữ - Hiệu suất năng lượng	Nhãn so sánh
35.		13. Bếp từ	TCVN 13372:2021	Bếp từ - Hiệu suất năng lượng	
36.		14. Bếp hồng ngoại –	TCVN 13373:2021	Bếp hồng ngoại – Hiệu suất năng lượng	
37.	2. Nhóm thiết bị Văn phòng và thương mại	1. Máy photocopy	TCVN 9510:2012	Máy photo copy- Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
38.		2. Máy in	TCVN 9509:2012	Máy in - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
39.		3. Màn hình máy tính	TCVN 9508:2012	Màn hình máy tính - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
40.		4. Tủ giữ lạnh thương mại	TCVN 10289:2014	Tủ giữ lạnh thương mại - Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận
41.			TCVN 10290:2014	Tủ giữ lạnh thương mại – Phương pháp xác định Hiệu suất năng lượng	Nhãn xác nhận

Sst	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhãn năng lượng
42.		5. Máy Tính Xách tay	TCVN 11848:2017	Máy Tính Xách Tay – Hiệu Suất Năng Lượng	Nhãn xác nhận
43.			TCVN 11848:2021	Máy tính xách tay - Hiệu suất năng lượng	
44.		Máy tính để bàn	TCVN 13371:2021	Máy tính để bàn - Hiệu suất năng lượng	
45.		1. Máy biến áp phân phối ba pha	TCVN 8525:2010	Máy biến áp phân phối – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	Nhãn xác nhận
46.			TCVN 8525:2015	Máy biến áp phân phối – Hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định	Nhãn xác nhận
47.	3. Thiết bị công nghiệp	2. Động cơ điện	TCVN 7450-1:2005	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 1: Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu	Nhãn xác nhận
48.			TCVN 7450-2:2005	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 2: Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
49.			TCVN 7450-1:2013	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 1: Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu	Nhãn xác nhận
50.			TCVN 7450-2:2013	Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc hiệu suất cao – Phần 2: Phương pháp xác định hiệu suất năng lượng	
51.		3.Nồi hơi công nghiệp	TCVN 8630:2010	Nồi Hơi – Hiệu Suất Năng Lượng Và Phương Pháp Thử	
52.			TCVN 8630:2019	Nồi Hơi – Hiệu Suất Năng Lượng Và Phương Pháp Thử	

Stt	Nhóm thiết bị	Danh mục các sản phẩm phải dán nhãn theo Lộ trình	Số hiệu TCVN	Tên Tiêu chuẩn	Nhân năng lượng
53.	4. Phương tiện giao thông vận tải	1. Mô tô, xe máy hai bánh	TCVN 7356:2014	Phương tiện giao thông đường bộ - mô tô, xe máy hai bánh - Giới hạn tiêu thụ nhiên liệu và phương pháp xác định	
54.		2. Ô tô con	TCVN 9854:2013	Phương tiện giao thông đường bộ - ô tô con - Giới hạn tiêu thụ nhiên liệu và phương pháp xác định	

PHỤ LỤC III

BỘ TIÊU CHUẨN ISO VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG

- Tiêu chuẩn TCVN ISO 50001:2019 (ISO 50001:2018), Hệ thống quản lý năng lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng (Energy Management Systems – Requirements with guidance for use).

- Tiêu chuẩn ISO 50004:2014: "Hệ thống quản lý năng lượng - Hướng dẫn việc thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý năng lượng" Energy management systems — Guidance for the implementation, maintenance and improvement of an energy management system.

- Tiêu chuẩn ISO 50006:2014: "Hệ thống quản lý năng lượng - Đo lường hiệu suất năng lượng sử dụng đường cơ sở năng lượng (EnB) và các chỉ số hiệu suất năng lượng (EnPI) - Nguyên tắc chung và hướng dẫn" (Energy management systems - Measuring energy performance using energy baselines (EnB) and energy performance indicators (EnPI) - General principles and guidance).

- Tiêu chuẩn ISO 50015:2014: "Hệ thống quản lý năng lượng – Đo lường và xác minh hiệu suất năng lượng của các tổ chức - Nguyên tắc chung và hướng dẫn" Energy management systems - Measurement and verification of energy performance of organizations - General principles and guidance.

- Tiêu chuẩn ISO 50002:2015 Kiểm toán năng lượng – Các yêu cầu (Energy audits – Requirements with guidance for use)

PHỤ LỤC IV
Các quy chuẩn kỹ thuật về hiệu suất năng lượng

STT	Tên quy chuẩn kỹ thuật	Ngày ban hành	Ghi chú
I	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia		
1	QCVN 09:2017/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả”	có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2018	
2	QCVN 07-7: 2023/BXD – Công trình chiếu sáng ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024	